

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM KỶ NGUYÊN HỘI NHẬP

SOME RECOMMENDATIONS TO PROMOTE THE DEVELOPMENT OF THE PRIVATE ECONOMIC SECTOR IN AGRICULTURE IN VIETNAM DURING THE INTEGRATION ERA

Trần Thị Hương

Khoa Lý luận chính trị và Pháp luật, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 26/12/2025, chấp nhận đăng ngày 20/01/2026

Tóm tắt: Bài viết làm rõ vai trò của kinh tế tư nhân (KTTN) trong nông nghiệp thời kỳ hội nhập quốc tế. KTTN ngày càng chứng tỏ được sức mạnh đối với quá trình tăng trưởng kinh tế nông nghiệp. Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển KTTN trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay kết hợp với việc so sánh phân tích mô hình phát triển kinh tế tư nhân trong nông nghiệp ở một số quốc gia, bài viết tổng kết những bài học kinh nghiệm quốc tế cho Việt Nam và khuyến nghị sáu giải pháp thúc đẩy phát triển KTTN trong nông nghiệp ở Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Nông nghiệp, hội nhập quốc tế, kinh tế tư nhân.

Abstract: This article clarifies the role of the private sector in agriculture during the period of international integration. The private sector is increasingly demonstrating its strength in the process of agricultural economic growth. Based on an analysis of the current state of private sector development in agriculture in Vietnam, combined with a comparative analysis of private sector development models in agriculture in several countries, the article summarizes international lessons learned for Vietnam and recommends six solutions to promote the development of the private sector in agriculture in Vietnam during the period of international integration.

Keywords: Agriculture, international integration, private economy.

1. MỞ ĐẦU

Sau gần bốn thập kỷ thực hiện công cuộc đổi mới, khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) đã xác lập vị thế là động lực quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp: từ mô hình sản xuất manh mún, giá trị gia tăng thấp sang nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiện đại và bền vững. Dữ liệu thống kê cho thấy sự lớn mạnh về quy mô của khu vực này với hơn 940.000 doanh nghiệp và 5 triệu hộ kinh doanh. Tỷ trọng đóng góp của KTTN vào các chỉ số kinh tế vĩ mô là rất đáng kể, cụ thể: Đóng góp xấp xỉ 50% GDP, chiếm hơn

30% tổng thu ngân sách nhà nước, huy động khoảng 82% lực lượng lao động xã hội. Bên cạnh vai trò tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội, KTTN còn là nhân tố then chốt thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cải thiện năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Một số tập đoàn kinh tế tư nhân nội địa đã bước đầu xây dựng được thương hiệu và năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế [4].

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh hội nhập thông qua các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA và các thỏa thuận đa phương khác, khu vực tư nhân đóng vai trò là

“cầu nối” đưa nông sản Việt Nam thâm nhập chuỗi giá trị toàn cầu. Việc thực thi các cam kết quốc tế không chỉ mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn tạo áp lực tích cực buộc các chủ thể kinh tế tư nhân phải chuẩn hóa quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Mặc dù đạt được những thành tựu quan trọng, khu vực KTTN vẫn đang đối mặt với những hạn chế mang tính hệ thống, cản trở khả năng bứt phá để trở thành lực lượng nòng cốt của nền kinh tế: Đa số các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa; hạn chế về tiềm lực tài chính và trình độ quản trị hiện đại. Năng lực đổi mới sáng tạo và trình độ công nghệ còn thấp, dẫn đến năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh chưa tối ưu. Thiếu tầm nhìn chiến lược dài hạn và sự liên kết lỏng lẻo với khu vực doanh nghiệp nhà nước cũng như khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, việc thiết lập một hệ sinh thái chính sách toàn diện và đột phá là yêu cầu cấp thiết. Cần thống nhất về nhận thức và hành động nhằm hoàn thiện thể chế để tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch; củng cố niềm tin chiến lược và tạo xung lực mới cho các nhà đầu tư tư nhân; đồng thời thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh nội địa và quốc tế. Việc tháo gỡ các rào cản này không chỉ mang tính cấp bách về mặt kinh tế mà còn là yếu tố quyết định để KTTN thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong kỷ nguyên mới [2].

Trong phạm vi bài viết, tác giả bước đầu phân tích mô hình phát triển kinh tế tư nhân trong nông nghiệp ở một số quốc gia và tổng kết những bài học kinh nghiệm quốc tế cho Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết vận dụng hệ phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm nền tảng cốt lõi. Cách tiếp cận này cho phép xem xét đối tượng nghiên cứu trong trạng thái vận động, biến đổi không ngừng, đồng thời đặt hiện tượng trong mối quan hệ tương tác đa chiều với các yếu tố kinh tế - xã hội khác. Đặc biệt, đối tượng nghiên cứu được khảo sát dưới góc độ “động”, đảm bảo tính kế thừa giữa các giá trị truyền thống và khả năng thích ứng với bối cảnh hiện đại. Cụ thể, các phương pháp nghiên cứu chuyên biệt được triển khai bao gồm:

- **Phương pháp phân tích:** Được sử dụng xuyên suốt toàn bộ tiến trình nghiên cứu nhằm bóc tách, đánh giá sâu sắc cơ chế phát triển kinh tế nông nghiệp tại các quốc gia điển hình và đối chiếu với thực tiễn tại Việt Nam.
- **Phương pháp tổng hợp:** Tác giả tiến hành thu thập, hệ thống hóa các dữ liệu sơ cấp và thứ cấp liên quan trực tiếp đến phạm vi đề tài. Phương pháp này đóng vai trò quan trọng trong việc tổng hợp kinh nghiệm quốc tế, từ đó làm nổi bật bức tranh tăng trưởng kinh tế nông nghiệp giữa các nhóm quốc gia có trình độ phát triển khác nhau.
- **Phương pháp so sánh luật học:** Tác giả vận dụng phương pháp này để đối chiếu hệ thống thể chế và khung khổ pháp lý về phát triển kinh tế của các quốc gia. Việc so sánh không chỉ tạo ra góc nhìn khách quan về sự tương đồng và khác biệt trong chính sách, mà còn là cơ sở thực tiễn quan trọng để đúc kết kinh nghiệm, từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan tại Việt Nam.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kinh tế tư nhân và vai trò của kinh tế tư nhân trong nông nghiệp

Khu vực KTTN được định nghĩa là một thực thể kinh tế hình thành trên nền tảng chế độ sở hữu tư nhân đối với các nguồn lực sản xuất, vận hành dưới sự điều tiết của các quy luật thị trường với mục tiêu cốt lõi là tối ưu hóa giá trị lợi nhuận và lợi ích kinh tế. Về mặt cấu trúc, thành phần này là một hệ thống đa dạng bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. Các thực thể này được cụ thể hóa qua nhiều mô hình tổ chức linh hoạt, từ quy mô hộ gia đình, trang trại đến các loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, hoặc dưới hình thức liên kết đầu tư, góp vốn chiến lược vào các tập đoàn kinh tế thuộc khu vực Nhà nước[2].

Trong lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản), KTTN là tổng hòa các chủ thể kinh tế không thuộc sở hữu nhà nước tham gia vào tất cả các khâu của chuỗi giá trị nông nghiệp. Các chủ thể chính bao gồm: Hộ sản xuất nông nghiệp/trang trại, hợp tác xã kiểu mới, doanh nghiệp nông nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Vai trò của KTTN trong nông nghiệp có thể được nhìn nhận dưới các khía cạnh sau:

Trước hết, KTTN là chìa khóa huy động vốn và nâng cao hiệu suất cho ngành nông nghiệp. Trước thời kỳ Đổi mới (1986), việc sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam hoàn toàn bị giới hạn trong khuôn khổ khu vực công, chủ yếu là các hợp tác xã và nông trường quốc doanh. Các nguồn vốn tư nhân trong xã hội bị loại trừ khỏi hoạt động này. Hệ quả là một lượng lớn vốn xã hội đã không được khai thác, khiến nông nghiệp hoạt động dưới mức tiềm năng thực sự và gây ra sự lãng phí nghiêm trọng.

Tuy nhiên, từ năm 1986, nhờ chính sách tôn trọng kinh tế nhiều thành phần và việc chủ trương phát triển KTTN, nguồn vốn xã hội bị “đóng băng” đã được giải phóng và sử dụng hiệu quả hơn. Các chủ thể kinh doanh tư nhân đã nhanh chóng chuyển hướng sản xuất theo nhu cầu thị trường, tạo ra một động lực mạnh mẽ và sự năng động cần thiết cho toàn ngành.

Thứ hai, khu vực KTTN đóng vai trò nhân tố then chốt trong việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Sự tham gia của KTTN đã dẫn đến sự hình thành và phát triển bền vững các chuỗi giá trị nông sản. Trong quá trình này, nhiều mô hình liên kết hiệu quả giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ đã được thiết lập, mang lại hiệu quả kinh tế vượt trội. Chính các doanh nghiệp tư nhân là lực lượng chủ đạo đẩy mạnh việc xây dựng các chuỗi giá trị này.

Thứ ba, KTTN trong nông nghiệp có vai trò thúc đẩy hội nhập quốc tế của ngành, gia tăng kim ngạch xuất khẩu và đóng góp tài chính công. Về cơ chế, KTTN sử dụng các hình thức liên doanh/liên kết với nước ngoài để hút vốn đầu tư trực tiếp (FDI), qua đó mở rộng và củng cố vị thế thương mại nông sản. Về kết quả, hoạt động kinh doanh hiệu quả và quy mô lớn hơn của khu vực này đã làm gia tăng đáng kể nguồn thu ngân sách nhà nước từ thuế và các khoản đóng góp khác.

Thứ tư, KTTN là cơ chế thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ trong ngành nông nghiệp. Quá trình tối ưu hóa lợi nhuận - thông qua việc giảm thiểu chi phí biên, gia tăng năng suất và cải thiện chất lượng đầu ra - đã thiết lập nhu cầu nội tại về KHCN. Theo đó, các chủ thể KTTN phải chủ động đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các kết quả KHCN vào chuỗi hoạt động của mình. Đây là lý do tại sao KTTN đặc biệt chú trọng đến việc tiếp

nhận và triển khai công nghệ sản xuất hiện đại và các giống có ưu thế vượt trội về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế.

Thứ năm, KTTN trong lĩnh vực nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, và hỗ trợ đắc lực cho chương trình xây dựng nông thôn mới. KTTN đã thu hút một lượng lớn lao động, tạo cơ hội việc làm ổn định cho nhiều người dân, từ đó cải thiện đáng kể đời sống và thu nhập của cộng đồng nông thôn. Về lâu dài, sự phát triển của KTTN giúp thu hẹp khoảng cách phát triển và tình trạng lạc hậu giữa khu vực thành thị và nông thôn.

Vai trò của KTTN trong nông nghiệp được khẳng định đối với quá trình tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, tái cơ cấu nông nghiệp. Nhận thức đầy đủ vai trò của KTTN trong nông nghiệp sẽ góp phần đưa nông nghiệp Việt Nam cất cánh trên bước đường hội nhập quốc tế.

3.2. Mô hình phát triển kinh tế tư nhân trong nông nghiệp ở một số quốc gia

3.2.1. Trung Quốc: mô hình Hộ gia đình và cải cách nông nghiệp

Trung Quốc là ví dụ điển hình về cải cách nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh khu vực tư nhân. Từ cuối thập niên 1970, Trung Quốc tiến hành chuyển từ hệ thống hợp tác xã tập trung sang giao quyền sử dụng đất cho từng hộ gia đình. Kết quả là nông nghiệp Trung Quốc tăng trưởng đột phá: “từ 1978 đến 1983, cải cách nông nghiệp đã chuyển đổi hợp tác xã sang canh tác hộ gia đình, tạo ra mức tăng kỷ lục về sản lượng lương thực và thịt, khắc phục tình trạng thiếu lương thực kéo dài”. Trong giai đoạn 1978–1995, sản lượng nông nghiệp tăng trưởng trung bình gần 5%/năm, so với 2%/năm thời kỳ kế hoạch hóa (1952–

1977) [8]. Nhờ đó, Trung Quốc từ một nước thiếu lương thực đã trở thành nhà xuất khẩu thực phẩm lớn. Thành tựu này phản ánh vai trò khu vực tư nhân (hộ nông dân tự chủ sản xuất) trong tăng năng suất.

Các yếu tố hỗ trợ chính bao gồm: (i) Đảm bảo quyền sử dụng đất cho nông dân, cho phép chuyển nhượng và thuê mướn đất; (ii) Chính sách thị trường hoá, nông dân được tự do bán sản phẩm vượt hạn ngạch Nhà nước với giá thị trường; (iii) Đầu tư hạ tầng nông thôn (thủy lợi, giao thông), nghiên cứu và chuyển giao công nghệ (như giống ngô, lúa lai); (iv) Chính sách bảo đảm an ninh lương thực khuyến khích sản xuất lương thực. Tại cùng thời kỳ, Trung Quốc vẫn can thiệp để điều tiết giá lương thực cơ bản nhằm đảm bảo tính ổn định cho nông dân và người tiêu dùng [8]. Kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy khi một nền nông nghiệp một thời kém hiệu quả được giải phóng thị trường một phần, khu vực tư nhân (hộ nông dân và ngày càng nhiều doanh nghiệp nông nghiệp) sẽ góp phần tăng sản lượng, cải thiện thu nhập nông thôn và giảm nghèo. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng đang bước vào giai đoạn tăng trưởng “hậu cải cách”, khi các lợi thế dễ đạt được đã được khai thác hết. Điều này đặt ra yêu cầu nghiên cứu mô hình tiếp theo, chẳng hạn nâng cao giá trị gia tăng và khả năng bền vững cho sản xuất nông nghiệp.

3.2.2. Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu: kinh tế thị trường và công nghiệp hoá nông nghiệp

Hoa Kỳ và nhiều nước EU đại diện cho mô hình nông nghiệp thị trường phát triển cao. Tại Mỹ, hầu hết đất nông nghiệp thuộc sở hữu tư nhân và sản xuất dựa trên thị trường hoàn toàn tự do. Các doanh nghiệp nông nghiệp quy mô lớn áp dụng cơ giới hoá, công nghệ

sinh học, quản lý hiện đại. Kết quả, Mỹ duy trì năng suất cây trồng cao nhất thế giới, trở thành nước xuất khẩu lớn các mặt hàng ngũ cốc, đậu tương, thịt và sữa. Chính phủ Mỹ cũng đóng vai trò quan trọng thông qua các đạo luật trang trại và hỗ trợ gián tiếp (tiền hỗ trợ, bảo hiểm mùa màng) nhằm ổn định thu nhập nông dân và đảm bảo an ninh lương thực. EU áp dụng chính sách nông nghiệp chung (CAP) bảo vệ nông dân châu Âu trước biến động toàn cầu, đồng thời hỗ trợ quá trình liên kết tư nhân hóa. Mặc dù nông nghiệp đóng góp chỉ khoảng 1-2% GDP, khu vực này vẫn được ưu tiên đầu tư công nghệ cao và trợ giá để giữ vai trò nền tảng cho kinh tế và an ninh lương thực nội bộ [9].

Đặc trưng chính của mô hình này là độ chuyên môn hoá và khả năng cạnh tranh quốc tế cao: nhiều tập đoàn lớn kết nối chặt chẽ với nông dân. Thành tựu đạt được là cung cấp lương thực dư thừa, ổn định giá cả, kỹ thuật sản xuất tiên tiến. Tuy nhiên, mô hình cũng còn tồn tại những hạn chế như chi phí sản xuất cao, tác động môi trường (sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học), và áp lực cạnh tranh buộc một số vùng nông thôn di dân hoặc chuyển sang cơ cấu cây trồng khác. Kinh nghiệm EU - Mỹ cho thấy, mặc dù KTTN có thể tự dẫn dắt thị trường, nhà nước vẫn cần giữ vai trò quản lý và hỗ trợ nghiên cứu công nghệ nông nghiệp bền vững.

3.2.3. Brazil: Tập đoàn nông nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp

Brazil là một trong những nền nông nghiệp tư nhân hoá thành công nhất ở Nam Mỹ. Mô hình ở Brazil kết hợp chặt chẽ giữa các tập đoàn kinh tế lớn và hệ thống hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến. Hợp tác xã giúp tổ chức lại sản xuất của hàng triệu hộ nông dân nhỏ, tăng quy mô và sức mạnh đàm phán. Nghiên cứu chỉ ra rằng khoảng 50% sản lượng nông sản

của Brazil được phân phối qua các hợp tác xã nông nghiệp. Các hợp tác xã như C. Vale, Coamo... đã tuyển dụng hơn 1,2 triệu thành viên, cung cấp tín dụng, đầu ra thị trường và dịch vụ kỹ thuật cho nông dân. Chúng được coi là “những tác nhân quan trọng cho phát triển kinh tế” nhờ khả năng tạo thu nhập cho địa phương và thúc đẩy phát triển vùng. Mặt khác, Brazil cũng có nhiều doanh nghiệp tư nhân lớn trong lĩnh vực phân bón, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản [9].

Nhờ mô hình hợp tác xã - tư nhân này, Brazil đã chuyển đổi từ nước nhập khẩu lương thực sang nhà xuất khẩu hàng đầu toàn cầu. Lợi thế chủ yếu đến từ diện tích đất lớn, chính sách khuyến khích nông nghiệp, và công nghệ cao. Tuy thành công về giá trị sản xuất và xuất khẩu, Brazil cũng đối mặt với áp lực từ thị trường quốc tế và thách thức về môi trường. Kinh nghiệm Brazil cho thấy nền kinh tế tư nhân mạnh mẽ có thể thúc đẩy năng suất và mở rộng thị trường, nhưng cũng cần quản lý rủi ro về môi trường và sự bền vững.

3.2.4. Đông Nam Á: mô hình kinh tế tư nhân trong điều kiện đặc thù

Các quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan, Indonesia, Philippines, Malaysia... có những mô hình phát triển tư nhân hoá nông nghiệp đặc trưng. Điển hình là Thái Lan với xuất khẩu gạo (phát triển qua tập đoàn gạo và nông dân hợp tác), cao su thiên nhiên, sắn... Thái Lan đã ban hành chính sách hỗ trợ nông nghiệp sớm, xây dựng các tổ hợp canh tác vừa và nhỏ có liên kết với chế biến. Malaysia và Indonesia phát triển mạnh khu vực tư nhân qua ngành dầu cọ và cao su [8]. Các nước này thường kết hợp thúc đẩy kinh tế tư nhân qua xây kênh mương, đường giao thông nông thôn do công ty và chính phủ cùng đầu tư, cũng như thúc đẩy hợp tác xã cho cây công nghiệp. Kết quả chung ở khu vực là ngành nông

ng nghiệp được tăng cường cạnh tranh, song vẫn tồn tại khoảng cách thành thị - nông thôn và yêu cầu an sinh xã hội. Đây là cơ sở để Việt Nam tham khảo chính sách liên kết chuỗi, phát triển hợp tác xã và kêu gọi doanh nghiệp nội - ngoại tham gia vào nông nghiệp công nghệ cao.

3.3. Một số khuyến nghị thúc đẩy phát triển KTTN trong nông nghiệp ở Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế

Các kinh nghiệm quốc tế cho thấy rằng không có mô hình duy nhất phù hợp cho mọi nước, nhưng có một số điểm chung rút ra được cho Việt Nam. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, nông dân Việt Nam đứng trước những cơ hội cần phải nắm bắt hiệu quả. Để nông dân có thể đạt được ước mơ làm giàu từ những cơ hội ấy cần rất nhiều yếu tố, trong đó việc thúc đẩy phát triển KTTN trong nông nghiệp là điều cần thiết. Do đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần thực hiện lộ trình chuyển giao việc cung ứng một số dịch vụ công sang khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội, nhằm giảm áp lực ngân sách và nâng cao hiệu quả vận hành. Đồng thời, cần gia tăng tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách thông qua việc hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình đối tác công tư. Song song đó, việc thiết lập cơ chế quản lý đất đai chặt chẽ nhưng thông thoáng là yếu tố then chốt để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận quỹ đất, thúc đẩy đầu tư quy mô lớn vào nông nghiệp.

Sự phát triển bền vững của KTTN phụ thuộc mật thiết với chất lượng nguồn nhân lực và môi trường kinh doanh. Do đó, Chính phủ cần đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế thị trường đồng bộ, hỗ trợ xây dựng thương hiệu nông sản và thắt chặt liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp nội địa. Những hoạt động này

đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao vị thế cạnh tranh của KTTN tại thị trường nội địa và quốc tế.

Hệ thống chính sách cũng cần ưu tiên hỗ trợ KTTN trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tập trung vào các mắt xích giá trị cao như: chọn tạo giống, quy trình sản xuất hiện đại và công nghệ chế biến sâu. Việc thiết lập hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm và phát triển bền vững là điều kiện bắt buộc để kiểm soát chuỗi giá trị hiệu quả.

Nhà nước cần áp dụng các chính sách ưu đãi đặc thù cho các dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh và hữu cơ. Công tác truyền thông và quảng bá các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cần được triển khai đồng bộ, nhằm thay đổi nhận thức thị trường và tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào mô hình sản xuất sạch, bền vững.

Thứ hai, việc khu vực KTTN thúc đẩy tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng hóa là một bước đi chiến lược, được xem là giải pháp tiềm năng để giảm thiểu đáng kể chi phí giao dịch liên quan đến việc tìm kiếm nguồn cung và tiếp cận thị trường đầu ra. Nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh tại thị trường quốc tế, việc nâng cao năng lực nội tại của các doanh nghiệp và hộ sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết. Trọng tâm của quá trình này nằm ở việc duy trì tính nhất quán về chất lượng, thiết lập độ tin cậy về nguồn cung và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, đi kèm với các chứng thực minh bạch về quy trình canh tác bền vững. Trong các mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và các tổ hợp tác nông dân, việc triển khai đội ngũ nhân sự kỹ thuật để thực hiện chức năng tư vấn chuyên môn và giám sát thực địa trở thành một điều kiện tiên

quyết nhằm đảm bảo tính đồng bộ và kiểm soát rủi ro trong toàn bộ chuỗi giá trị. Điều này ngầm đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng được một quy trình truy xuất nguồn gốc hiệu quả và minh bạch để quản lý chất lượng. Để tạo ra một cách tiếp cận toàn diện, nhằm vừa phát triển thị trường vừa giải quyết vấn đề xóa đói giảm nghèo, cần có sự hiệp lực giữa nhiều bên: chính quyền địa phương, các công ty đa quốc gia, tổ chức tài trợ, nhà thực hiện phát triển và các tổ chức tài chính. Sự hợp tác này mang lại kiến thức chuyên môn và quan điểm độc đáo, tạo ra hiệu quả lâu dài, bền vững trong chuỗi cung ứng, đồng thời mở ra cơ hội đầu tư mới để phát triển thị trường nông nghiệp và nông thôn.

Thứ ba, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khu vực KTTN gánh vác sứ mệnh quan trọng là kiến tạo và định vị thương hiệu cho nông sản Việt Nam trên bản đồ toàn cầu. Việc kiến tạo một hình ảnh nông nghiệp Việt Nam chuyên nghiệp, uy tín là yêu cầu mang tính chiến lược, không chỉ để thúc đẩy thương mại trong ngành thực phẩm mà còn tác động tích cực đến các lĩnh vực khác. Trên hành trình tiến xa hơn về phía trước, KTTN trong nông nghiệp phải đi đầu trong việc nâng tầm thương hiệu quốc gia, đặc biệt trong các ngành hàng có lợi thế cạnh tranh cao, từ đó tạo sức hút mạnh mẽ đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài và thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp, mở rộng cả thị trường nội địa lẫn quốc tế.

Thứ tư, KTTN đóng vai trò chủ đạo trong việc đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học và kỹ thuật tiên tiến vào quy trình sản xuất thông qua hệ thống khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm và khuyến ngư. Việc chuyển giao công nghệ này không chỉ dừng lại ở các khâu canh tác mà còn tập trung vào chuyển đổi

năng lực chế biến. Cụ thể, các doanh nghiệp đang chú trọng đầu tư vào dây chuyền công nghệ chế biến sâu và hiện đại, đồng thời tối ưu hóa việc tái chế phế phụ phẩm nông nghiệp. Đây là chiến lược then chốt nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu tác động môi trường và gia tăng tối đa giá trị thặng dư cho nông sản Việt Nam. Đồng thời, các chủ thể KTTN cũng cần chủ động chuyển dịch định hướng sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao. Các sản phẩm nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ được chú trọng phát triển nhằm đáp ứng nghiêm ngặt các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và quy chuẩn VietGAP. Việc chuẩn hóa quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi mà còn tạo nền tảng vững chắc để thâm nhập sâu vào các thị trường xuất khẩu khắt khe, đảm bảo sự phát triển bền vững trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ năm, củng cố năng lực cạnh tranh nội tại của chính các doanh nghiệp tư nhân là điều cực kỳ cấp thiết. Trong nông nghiệp, để đạt được sức cạnh tranh vượt trội, các doanh nghiệp tư nhân không chỉ cần sở hữu tiềm lực tài chính dồi dào mà còn phải xây dựng được chiến lược đầu tư mang tính hệ thống và tầm nhìn dài hạn, đảm bảo các bước đi chiến lược được thực hiện một cách “đúng đắn và trúng mục tiêu”.

Thứ sáu, việc tăng cường các chuỗi liên kết và phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp là yêu cầu cấp thiết đối với khu vực KTTN tại Việt Nam giai đoạn hiện nay. Bên cạnh vai trò dẫn dắt của các tập đoàn, doanh nghiệp quy mô lớn, chính sách nhà nước cần ưu tiên thúc đẩy sự phát triển của nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp và các tổ chức đại diện nông dân. Đây được xác định là

nền tảng và mắt xích trung gian trọng yếu nhằm tích hợp hiệu quả các nông hộ quy mô nhỏ vào chuỗi giá trị nông nghiệp một cách toàn diện và bền vững. Đồng thời, sự chuyển dịch từ mô hình kinh tế hộ đơn lẻ sang mô hình có sự tham gia của doanh nghiệp với vai trò hạt nhân là tất yếu. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy các doanh nghiệp tư nhân vẫn đối mặt với nhiều rào cản nội tại và ngoại vi nếu thiếu đi các cơ chế liên kết chặt chẽ. Do đó, việc thiết lập và củng cố mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ nông dân không chỉ là giải pháp tối ưu hóa nguồn lực mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững cho toàn ngành tại Việt Nam.

4. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, khu vực KTTN đã được định vị là trụ cột chiến lược, quyết định đà tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp Việt Nam. Làn sóng toàn cầu hóa không chỉ mở ra cơ hội khai phá các thị trường xuất khẩu lớn và khắt khe, mà còn là cửa ngõ để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn, khoa học công nghệ, và tri thức quản trị tiên tiến. Để hiện thực hóa khát

vọng đưa nông sản Việt ghi dấu trên bản đồ thế giới và xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, đòi hỏi phải có sự dẫn dắt của các tập đoàn KTTN có tiềm lực vững mạnh, sẵn sàng cam kết với các chiến lược phát triển dài hạn. Nhờ dấu ấn của khối tư nhân, nông sản Việt đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia, định vị mình ở tầm vóc quốc tế và từng bước tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị và cung ứng toàn cầu. Tận dụng lợi thế so sánh tự nhiên, Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ, trở thành cường quốc xuất khẩu nông sản với nhiều mặt hàng chủ lực làm nên thương hiệu quốc tế. Quá trình này không chỉ là sự thay đổi về kinh tế, mà còn là minh chứng cho sự trưởng thành của đội ngũ quản lý và doanh nghiệp khi đối diện với các quy tắc của sân chơi quốc tế, buộc họ phải sáng tạo, tinh gọn và bình đẳng hơn.

Tuy nhiên, một nghịch lý vẫn tồn tại: mặc dù KTTN được chính sách ưu ái và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển, thực tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn thiếu sự nhiệt thành từ phía doanh nghiệp, do những rào cản mang tính hệ thống (cả chủ quan và khách quan) chi phối. Vì lẽ đó, việc giải phóng tiềm năng của khối tư nhân đòi hỏi sự quyết tâm và triển khai đồng bộ các giải pháp mang tính đột phá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ADB, “Viet Nam 2021-2025: Agriculture, Natural Resources and Environment Sector Assessment and Strategy”, 2021, <https://www.adb.org/sites/default/files/institutional-document/763181/viet-nam-2021-2025-agriculture-sector-assessment-strategy-road-map.pdf>
- [2] Bộ Chính trị, “Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân”, Báo điện tử Chính phủ, ngày 03/11/2025, <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-119250505101309949.htm>
- [3] Phạm Thị Thanh Bình, “Chính sách phát triển nông nghiệp Thái Lan và một số gợi ý tham chiếu cho Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, số 986, tr.106-111, (2022).
- [4] Tô Lâm, “Phát triển kinh tế tư nhân - Đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng”, Tạp chí Cộng sản, số 1.059 (4-2025), tr.3 - 8, (2025).

- [5] Cấn Văn Lực và nhóm chuyên gia, “Vai trò, thực trạng và giải pháp đột phá kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên mới”, Báo Nhân dân điện tử, 2025, <https://special.nhandan.vn/kinh-te-tu-nhan-trong-ky-nguyen-moi/index.html>.
- [6] Nguyễn Thị Hồng Nhung, “Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trong nông nghiệp ở Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, tập 21, số 12 (2024), tr.2233-2244, (2024).
- [7] Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Mộng Cầm, Đinh Trần Ngọc Huyền, “Kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững trong bối cảnh cách mạng 4.0 thích ứng biến đổi khí hậu và bài học kinh nghiệm với Việt Nam”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển, số 26, tr.98 - 108, (2024).
- [8] Nguyễn Thị Tú, “Kinh nghiệm về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc, Thái Lan và bài học cho Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế - Châu Á Thái Bình Dương, Số tháng 4, (2017).
- [9] Trịnh Anh Tuấn, “Chính sách phát triển nông nghiệp của Hoa Kỳ và một số nước trên thế giới: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay, Số tháng 2, (2017).
- [10] UNDP Vietnam, “Transforming Viet Nam's Agriculture for Climate Resilience”, 2023, <https://www.undp.org/vietnam/stories/transforming-viet-nams-agriculture-climate-resilience>
- [11] Vietnamese Government, “2026: Vietnamese Agricultural Products Enter the Game of Quality and Sustainability”, Jan. 2026, <https://www.vietnam.vn/en/nam-2026-nong-san-viet-buoc-vao-cuoc-choi-chat-luong-va-ben-vung>

Thông tin liên hệ:

Trần Thị Hương

Điện thoại: 0878 1707 86 - Email: tthuong.khoallct@uneti.edu.vn

Khoa Lý luận chính trị và Pháp luật, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.